

# Chính sách phát triển hoạt động bao thanh toán: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

TS. HÀ VĂN DƯƠNG

Quỹ Bảo lãnh Tín dụng TP.HCM

**H**oạt động bao thanh toán (BTT) được hình thành cùng với những cơ chế chính sách thuận lợi đã tạo điều kiện phát triển, góp phần thúc đẩy giao thương quốc tế và gia tăng hoạt động thương mại tại nhiều quốc gia trên thế giới. Song, hoạt động BTT tại VN mới triển khai trong những năm gần đây, cơ chế chính sách còn tiếp tục được hoàn thiện dần, nhằm góp phần nâng cao tiện ích cho các doanh nghiệp trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng qua hình thức cấp tín dụng mới, thúc đẩy quá trình đa dạng hóa các hình thức tín dụng tại các tổ chức tín dụng (TCTD) và tăng cường hơn nữa hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng. Do vậy, việc đúc kết những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn tạo lập cơ chế, chính sách của một số quốc gia trên thế giới để có thể vận dụng phù hợp với điều kiện tại VN là một trong những yêu cầu quan trọng, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT hiện nay.

**Từ khóa:** Bao thanh toán, khoản phải thu.

## 1. Đặt vấn đề

Quy chế hoạt động BTT tại VN đã được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ban hành từ năm 2004, đã hình thành khung pháp lý cho các TCTD đa dạng hóa thêm hình thức cấp tín dụng mới, đáp ứng nhu cầu vốn cho nhiều doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Đến nay, qua gần 10 năm, các TCTD triển khai hoạt động BTT vẫn còn ở quy mô nhỏ và còn nhiều TCTD chưa triển khai được hoạt động này. Nguyên do, nhiều TCTD còn hạn chế năng lực, chưa đáp ứng đủ điều kiện tổ chức hoạt động BTT theo quy định, việc chọn lựa khách hàng cho hoạt động BTT gặp khó khăn,... Bên cạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu

để được các TCTD thực hiện BTT, hoạt động BTT còn khá mới đối với nhiều doanh nghiệp và khung pháp lý, cơ chế chính, sách vẫn còn tiếp tục hoàn thiện.

Qua thực tiễn tạo lập cơ chế, chính sách của một số quốc gia trên thế giới, bài viết đề xuất các bài học kinh nghiệm có thể vận dụng phù hợp với điều kiện tại VN, góp phần hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế chính, sách phát triển hoạt động BTT, tạo thuận lợi về pháp lý cho các TCTD mở rộng hoạt động BTT, cung cấp nhiều tiện ích cho các doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

## 2. Cơ sở lý luận về cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT

Theo Hiệp hội bao thanh toán

quốc tế, BTT là một gói tài chính hoàn chỉnh kết hợp tài trợ vốn lưu động, bảo vệ rủi ro tín dụng, quản lý các khoản phải thu và thu hồi công nợ (Factors Chain International-FCI, 2014). Xác định BTT là hoạt động tài trợ vốn lưu động đã biểu hiện đây là hoạt động cấp tín dụng, là một gói tài chính đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp trong việc quản lý, thu hồi công nợ, giúp các TCTD giảm áp lực về hạn mức tín dụng và giảm thiểu rủi ro tín dụng. Việc tạo lập cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT bao gồm các mục tiêu và nội dung sau:

**Thứ nhất**, mục tiêu tạo lập cơ chế chính sách phát triển hoạt động BTT: Hình thành khung pháp lý, hướng dẫn đầy đủ nội dung cho các TCTD thực hiện hoạt động BTT,

**Bảng 1. Số liệu doanh thu BTT lũy kế cho tất cả thành viên của FCI**

Doanh thu BTT	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
<i>Giá trị (triệu EUR)</i>							
BTT trong nước	1.153.131	1.148.943	1.118.100	1.402.331	1.750.899	1.779.785	1.827.680
BTT quốc tế	145.996	176.168	165.459	245.898	264.108	352.446	402.798
Tổng số	1.299.127	1.325.111	1.283.559	1.648.229	2.015.007	2.132.231	2.230.477
Tốc độ tăng (%)	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
BTT trong nước		-0,36	-2,68	25,42	24,86	1,65	2,69%
BTT quốc tế		20,67	-6,08	48,62	7,41	33,45	14,29%
<b>Tổng số</b>		<b>2,00</b>	<b>-3,14</b>	<b>28,41</b>	<b>22,25</b>	<b>5,82</b>	<b>4,61</b>

Nguồn: <http://www.fci.nl/about-fci/statistics/accumulative-factoring-turnover-fci-members>

góp phần đa dạng hóa các hình thức cấp tín dụng, tạo thêm nhiều tiện ích cho các doanh nghiệp bổ sung vốn lưu động, thúc đẩy hoạt động thương mại trong nước và quốc tế.

**Thứ hai**, nội dung tạo lập cơ chế chính sách phát triển hoạt động BTT: Các cơ quan quản lý nhà nước hoạch định chính sách, ban hành các quy định pháp luật cho phép hình thành và phát triển hoạt động BTT. Cơ chế, chính sách tạo khung pháp lý, điều tiết, hướng dẫn triển khai hoạt động BTT bao gồm các nội dung về điều kiện hoạt động BTT của các TCTD, các loại hình và phương thức hoạt động BTT, quy trình hoạt động BTT, các điều kiện đảm bảo an toàn hoạt động BTT. Đồng thời, ban hành cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ về hạ tầng, miễn giảm thuế, đào tạo nhân lực,..cho các TCTD phát triển hoạt động BTT.

Cơ chế, chính sách được thiết lập đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và phù hợp thực tiễn góp phần phát triển hoạt động BTT. Ngược lại, cơ chế, chính sách thiếu đồng bộ, chưa đi vào cuộc sống, phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần, đã làm giảm sút tính ổn định của cơ chế, chính sách, gây cản trở cho quá trình phát triển

hoạt động BTT của các TCTD.

### **3. Cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT trên thế giới và một số quốc gia**

#### **3.1. Các quy định và công ước của các tổ chức quốc tế**

Hoạt động BTT trong nước bắt đầu ở Mỹ trong những năm đầu của thế kỷ 20 và hoạt động BTT quốc tế bắt đầu vào những năm 1960 tại các nước châu Âu là những quốc gia tiên phong, cùng với hình thành FCI (Factors Chain International) đã giới thiệu rộng rãi việc sử dụng bao thanh toán quốc tế trên toàn thế giới.

FCI giúp các thành viên của mình đạt được doanh thu gia tăng trong những năm gần đây và đạt mức 2.230.477 triệu EUR đến cuối năm 2013 (Bảng 1). Đồng thời, về xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT, FCI giúp các thành viên của mình đạt được lợi thế cạnh tranh trong các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế thông qua: Mạng lưới thanh toán toàn cầu, hệ thống truyền thông hiện đại và hiệu quả, xây dựng khuôn khổ pháp lý đáng tin cậy để bảo vệ các nhà xuất khẩu và nhập khẩu, hình thành các thủ tục tiêu chuẩn, nhằm duy trì chất lượng hoạt động BTT, tổ chức

các chương trình đào tạo về hoạt động BTT và xúc tiến hoạt động BTT trên toàn thế giới (FCI, 2014).

Theo Điều 1 Những quy định chung về hoạt động BTT quốc tế ấn bản tháng 06/2013 của FCI (General Rules for International Factoring Verion FCI June 2013), hợp đồng BTT là một hợp đồng, theo đó nhà cung cấp sẽ chuyển nhượng các khoản phải thu (KPT) (hay một phần của các KPT) cho một đơn vị BTT, có thể vì hoặc không vì mục đích tài trợ, để thực hiện ít nhất một trong các chức năng sau đây:

- Theo dõi công nợ (sổ sách kế toán) liên quan đến các khoản phải thu;
- Thu tiền các khoản nợ phải thu; và
- Phòng ngừa rủi ro nợ xấu.

Những quy định chung về hoạt động BTT xác định chi tiết các bên tham gia trong thanh toán (Điều 2), chi tiết các KPT được cấp dịch vụ BTT theo phát sinh từ hàng hóa và / hoặc dịch vụ được cung cấp bởi bất kỳ nhà cung cấp nào theo thỏa thuận với nhà nhập khẩu (Điều 3). Quy định về chuyển nhượng các KPT là việc chuyển giao tất cả các quyền và lợi ích cho bên nhận

chuyên nhượng và KPT được cấp dịch vụ BTT coi như được chuyển giao (Điều 12).

Bên cạnh, sự phát triển của hoạt động BTT trên thế giới, nhiều quốc gia đã nỗ lực tham gia vào thiết lập các quy định thống nhất về hoạt động BTT trên phạm vi quốc tế. Theo đó, Công ước UNIDROIT về BTT quốc tế được Viện Thống nhất Tư pháp Quốc tế, viết tắt theo tiếng Pháp là UNIDROIT (Institut International Pour L'unification Du Droit Privé) xây dựng vào năm 1988 và Công ước của Liên Hiệp Quốc về chuyển nhượng khoản phải thu trong thương mại quốc tế năm 2001 do Ủy ban Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế viết tắt theo tiếng Anh là UNCITRAL (United Nations Commission On International Trade Law) thiết lập.

Công ước UNIDROIT về BTT quốc tế đã đánh giá tầm quan trọng của việc áp dụng quy tắc thống nhất để cung cấp một khuôn khổ pháp lý, tạo điều kiện cho BTT quốc tế phát triển, đảm bảo một sự cân bằng hợp lý lợi ích giữa các bên tham gia vào các giao dịch BTT. Quy định BTT là một hoạt động được tiến hành trên cơ sở hợp đồng BTT giao kết giữa người cung cấp hàng hóa, dịch vụ và đơn vị bao thanh toán. Tại Khoản 2, Điều 1 nêu rõ, người cung cấp chuyển giao hay sẽ chuyển giao cho đơn vị BTT các KPT phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa người cung cấp và khách hàng của họ (người mua, con nợ), trừ hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ phục vụ mục đích tiêu dùng hay cá nhân. Thông báo việc chuyển nhượng KPT

cho người mua. Đơn vị BTT phải thực hiện ít nhất hai trong số các chức năng:

- Tài trợ cho người cung cấp, bao gồm cho vay và ứng tiền trước;
- Theo dõi công nợ (sổ sách kế toán) liên quan đến các KPT;
- Thu tiền từ các khoản nợ phải thu;
- Bảo vệ người bán trước trường hợp người mua không thanh toán.

Như vậy, so với quy định chung về hoạt động BTT quốc tế, Công ước UNIDROIT về BTT quốc tế bổ sung thêm một chức năng nữa của BTT là tài trợ cho người cung cấp, bao gồm cho vay và ứng tiền trước, cũng như xác định rõ hơn việc bảo vệ người bán trước trường hợp người mua không thanh toán nhằm phòng ngừa rủi ro nợ xấu. Đồng thời, công ước này áp dụng cho các KPT được giao theo hợp đồng BTT phát sinh từ một hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các nhà cung cấp và người mua (Điều 2), quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia (chương 2), xác định việc chuyển nhượng các KPT hiện tại hoặc tương lai (Điều 5). Quy định về quyền khấu trừ của người mua, có thể được khấu trừ vào số tiền phải thu với đơn vị BTT, các quyền mà có thể khấu trừ với người cung cấp nếu các quyền này tồn tại trước khi người mua nhận được thông báo bằng văn bản về việc chuyển nhượng khoản phải thu (Điều 9),...

Đối với Công ước của Liên Hiệp Quốc về chuyển nhượng KPT trong thương mại quốc tế, khẳng định hoạt động thương mại quốc tế trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi là một yếu tố quan

trọng trong việc thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các nước. Mong muốn thiết lập các nguyên tắc và áp dụng quy tắc liên quan đến các KPT, nhằm tạo ra sự vững chắc về pháp lý, minh bạch các quy định pháp luật liên quan đến các KPT, đồng thời bảo vệ và tạo thuận lợi cho sự phát triển giao thương quốc tế. Công ước này thiết lập các nguyên tắc và thông qua quy tắc liên quan đến việc chuyển nhượng các KPT. Quy định cụ thể về chuyển nhượng các KPT (Điều 2), quy định KPT trong tương lai, tức KPT sẽ hình thành khi người cung cấp chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho người mua theo hợp đồng đã giao kết (Điều 5), xác định quyền đảm bảo thanh toán đối với các KPT được giao được chuyển giao (Điều 10), quyền và nghĩa vụ chung của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phát sinh từ thỏa thuận của họ được xác định bởi các điều khoản và điều kiện của hợp đồng (Điều 11). Theo phụ lục của công ước, xác định các quy tắc về quyền ưu tiên dựa trên đăng ký đối với KPT, quyền ưu tiên dựa trên thời gian của hợp đồng chuyển nhượng các KPT, quyền ưu tiên dựa trên thời gian thông báo chuyển nhượng các KPT,...

Các quy định và công ước quốc tế đã tạo cơ chế, chính sách cho phát triển hoạt động BTT tại nhiều châu lục và quốc gia. Châu Âu luôn chiếm về ưu thế về doanh số, kế đến là châu Á với Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan là những quốc gia hàng đầu trong châu lục này. Riêng đối với VN vẫn còn là một trong những nước có doanh số BTT thấp tại châu Á (Bảng 2). Tùy vào điều kiện cụ

**Bảng 2. Số liệu BTT của các châu lục và quốc gia (triệu EUR)**

Châu lục và quốc gia	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Châu Âu	932.264	888.528	876.614	1.045.024	1.218.540	1.298.680	1.354.192
Châu Phi	11	13.263	14.917	17	23	23.927	23.123
Mỹ	149.673	154.195	142.013	185.357	207.172	187.014	191.555
Úc	33	32.546	39.410	44.915	57.491	49.606	62.312
Châu Á	174.294	235.425	209.828	355.434	507.696	571.516	599.297
Armenia	50	7	7	14	14	0	62
Trung Quốc	32.976	55.000	67.300	154.550	273.690	343.759	378.128
Hồng Kông	7.700	8.500	8.079	14.400	17	29.344	32
Ấn Độ	5.055	5.200	2.650	2.750	2.800	3.650	5.240
Indonesia					3	3	819
Israel	800	1.400	1.400	1.650	1.650	1.422	1.060
Nhật Bản	77.721	106.500	83.700	98.500	111.245	97.210	77.255
Hàn Quốc	955	900	2.937	5.079	8.087	8.000	12
Lebanon	176	306	420	450	327	301	352
Malaysia	468	550	700	1.058	1.050	1.782	1.782
Qatar			23	23	75	75	88
Singapore	3.270	4.000	4.700	5.800	6.670	8.670	9.970
Đài Loan	42.500	48.750	33.800	67.000	79.800	70.000	73.000
Thái Lan	2.240	2.367	2.107	2.095	3.080	4.339	3.348
United Arab Emir.	340	1.860	1.910	2.000	1.750	2.900	3.500
VN	43	85	95	65	67	61	100
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.300.016</b>	<b>1.323.957</b>	<b>1.282.782</b>	<b>1.647.541</b>	<b>2.014.350</b>	<b>2.130.743</b>	<b>2.230.479</b>

Nguồn: <http://www.fci.nl/about-fci/statistics/total-factoring-volume-by-country-last-7-years>

thể của mỗi quốc gia, các nước có những cơ chế chính, sách phát triển hoạt động BTT phù hợp thực tiễn, cụ thể qua một số đặc điểm nổi bật tại một số quốc gia như Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Mexico, Thái Lan.

### 3.2. Cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT tại một số quốc gia

**Tại Mỹ:** Hoạt động BTT được thực hiện qua thỏa thuận giữa đơn vị BTT và người bán hàng hay là người cung cấp dịch vụ về các KPT. Theo đó đơn vị BTT (TCTD, công ty BTT) tiến hành tất cả những dịch vụ liên quan đến tài khoản phải thu phát sinh từ việc bán hàng hóa dịch vụ bao gồm: (i) Mua các KPT và

dựa vào các KPT để ứng trước tiền mặt khi cần thiết; (ii) Theo dõi công nợ, sổ sách kế toán liên quan đến các KPT; (iii) Thu tiền từ các khoản nợ phải thu; và (iv) Giảm định những thiệt hại để phòng ngừa nợ xấu có thể xảy ra khi khách hàng không thể trả nợ (United Nations Conference on Trade and Development, 2009).

Quy định pháp luật liên quan đến hoạt động BTT được quy định theo Bộ luật Thương mại thống nhất của Mỹ về giao dịch bảo đảm. Quy định chi tiết về việc thu nợ từ tài khoản phải thu, sau khi ký kết hợp đồng BTT, sẽ tiến hành gửi thông báo cho bên mua xác nhận và đăng ký KPT tại cơ quan nhà nước có thẩm

quyền, đơn vị BTT được hưởng quyền ưu tiên đối với các giao dịch chuyển nhượng các KPT, được bảo đảm về quyền và lợi ích hợp pháp cùng với việc bên bán có nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi cho đơn vị BTT, thu giữ tiền từ bên mua và chuyển giao cho đơn vị BTT. Bên cạnh, việc đăng ký giao dịch đảm bảo của các KPT còn bảo vệ quyền lợi, đảm bảo quyền ưu tiên đối với hàng hóa đó của đơn vị BTT khi người bán phá sản và trường hợp từ chối nhận hàng của người mua (Điều 9).

**Tại Trung Quốc:** Luật Hợp đồng Trung Quốc ban hành ngày 15/03/1999, là nền tảng pháp lý quan trọng cho phát triển hoạt

động BTT, quy định về việc chuyển nhượng các KPT theo hợp đồng cho người thứ ba được nêu rõ theo hợp đồng, theo thỏa thuận giữa các bên và theo quy định của pháp luật. Quy định về thông báo chuyển giao quyền thu nợ đối với các KPT, xác định KPT của bên có nghĩa vụ thanh toán và thực hiện thanh toán nợ đối với các KPT (Điều 79-82).

Quy định hoạt động kinh doanh BTT đối với ngành ngân hàng Trung Quốc ngày 14/09/2010, thiết lập các nguyên tắc quản lý cơ bản và xác định bản chất của kinh doanh BTT, thúc đẩy phát triển hoạt động BTT lành mạnh và có trật tự. Các quy tắc được xây dựng theo quy định của Luật Hợp đồng, Luật Ngân hàng thương mại (NHTM) và pháp luật có liên quan của Trung Quốc. Các ngân hàng hoạt động BTT phải tuân thủ tuân thủ pháp luật, quy tắc và các quy định của Nhà nước; tuân thủ các thông lệ quốc tế, các quy định chung của BTT quốc tế; duy trì một sự cân bằng giữa phát triển kinh doanh và quản lý rủi ro, duy trì sự cân bằng phù hợp giữa hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động BTT (Điều 3). Xác định cụ thể về KPT và hoạt động BTT, trong đó, KPT thể hiện quyền của chủ nợ (người bán) yêu cầu thanh toán từ các con nợ (người mua) qua cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong hiện tại và tương lai. KPT bao gồm nợ phát sinh từ bán hàng, bao gồm cả bán hàng hoá, cung cấp nước, điện, khí đốt; nợ phát sinh từ cho thuê tài sản; nợ phát sinh từ cung cấp dịch vụ, lệ phí cầu đường và KPT khác. Xác định BTT là một dịch vụ tài chính toàn diện kết hợp tài chính,

thu thập và quản lý các KPT và phòng ngừa rủi ro nợ xấu. Người bán chỉ định tài khoản của mình phải thu cho ngân hàng, có hoặc không nhằm mục đích tài chính, ít nhất là một trong những dịch vụ: (i) Thu tiền các khoản nợ phải thu; (ii) Quản lý các khoản phải thu; và (iii) Phòng ngừa rủi ro nợ xấu (Điều 4).

Quy định phân loại BTT trong nước, BTT quốc tế; BTT truy đòi, BTT không truy đòi; BTT công bố, BTT không công bố một cách chi tiết cho các ngân hàng thực hiện hoạt động BTT. Quy định yêu cầu các ngân hàng phải tổ chức hoạt động BTT phù hợp với chiến lược phát triển và quy mô kinh doanh, thành lập bộ phận thanh toán riêng biệt, chịu trách nhiệm xây dựng quy chuẩn BTT, thực hiện đào tạo, phân bổ nguồn lực thích hợp để quản lý kinh doanh, và xúc tiến phát triển sản phẩm, kiểm soát rủi ro, tiếp thị,..nhằm phát triển hoạt động BTT (Điều 7 - Điều 10). Đồng thời, thực hiện đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý hoạt động BTT, công bố thông tin khách hàng, thông tin tín dụng đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro.

**Tại Ấn Độ:** Hoạt động BTT được quy định cụ thể theo Quy chế BTT số 24 năm 2011, quy định việc kinh doanh BTT là mua lại các KPT của bên chuyển nhượng bằng cách chấp nhận chuyển nhượng các KPT để nhận sự tài trợ vốn và KPT là tất cả hoặc một phần nợ phải thu hiện tại, tương lai theo hợp đồng giữa bên nhân chuyển nhượng và bên chuyển nhượng (Chương 1). Quy định chi tiết về chuyển nhượng các KPT, quyền và nghĩa vụ

các bên trong hợp đồng chuyển nhượng các KPT, bên nhận chuyển nhượng đảm bảo thu hồi nợ phải thu và bên chuyển nhượng được tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh (Chương 3-4). Các giao dịch chuyển nhượng các KPT được đăng ký qua Trung tâm đăng ký để kiểm tra và xác lập giao dịch đã thực hiện, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên (Chương 5),..

**Tại Mexico:** Các quy định pháp lý về hoạt động BTT được xây dựng chi tiết trên nền tảng của Luật các TCTD 1990, sửa đổi năm 2010. Điều 46 (XXVI) của Luật các TCTD, cho phép các TCTD thực hiện hoạt động BTT tại Mexico. Hoạt động cải cách luật pháp liên quan đến thương mại điện tử vào tháng 5/2000 đã mở đường cho BTT trực tuyến, BTT ngược (Reverse factoring) phát triển. Tháng 4/2003, Luật Chữ ký điện tử được ban hành, tháng 1/2004, những sửa đổi trong Bộ Luật Tài chính Liên bang đã hoàn thiện các luật về giao dịch điện tử, tạo thuận lợi cho chương trình BTT trực tuyến phát triển. Bên cạnh, chính phủ tạo các điều kiện thuận lợi về thuế đã làm giảm chi phí BTT cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), cung cấp nhiều ưu đãi cho đối tượng này khi tham gia chương trình bao gồm đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật nghiệp vụ, liên kết DNNVV với các doanh nghiệp lớn trong chuỗi sản xuất và cung cấp các DNNVV để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp đối với hoạt động BTT (United State Agency For International Development, 2014).

**Tại Thái Lan:** Thông báo số 90/2549 ngày 20/04/2006 về

cấp phép cho các NHTM hoạt động BTT, Ngân hàng Trung ương Thái Lan khuyến khích các NHTM phát triển hoạt động BTT nhằm cung cấp vốn lưu động và tạo điều kiện tốt về thanh khoản cho các DNNVV. Quy định kinh doanh BTT là kinh doanh mà theo đó một khách hàng đồng ý chuyển các KPT thương mại của mình cho một đơn vị BTT và đơn vị BTT đồng ý cung cấp các khoản tín dụng, trong đó bao gồm việc thực hiện một trong các giao dịch: (i) Quản lý khoản phải thu; (ii) Thu hồi các KPT thương mại; và (iii) Chịu trách nhiệm về nợ trong trường hợp người mắc nợ quá hạn. Xác định hợp đồng BTT giữa một NHTM và một khách hàng, trong đó một khách hàng đồng ý chuyển giao và NHTM đồng ý chấp nhận chuyển giao các KPT thương mại của khách hàng và thực hiện dưới các loại hình BTT truy đòi và BTT không truy đòi.

Đồng thời, Ngân hàng Trung ương Thái Lan quy định khá chặt chẽ và đầy đủ các điều kiện để phát triển hoạt động BTT. Các TCTD khi thực hiện hoạt động này phải có tình hình tài chính tốt, có hệ điều hành đầy đủ, hệ thống dữ liệu và nhân sự hiệu quả; ban lãnh đạo phải có kiến thức và hiểu biết về kinh doanh và rủi ro liên quan đến hoạt động BTT; nhân viên phải có đủ kiến thức, chuyên môn tốt và hiểu biết trong giao dịch BTT; có hệ thống phân tích tín dụng, quản lý rủi ro, thu thập dữ liệu và xử lý thông tin và phải có hệ thống kiểm soát nội bộ tốt để đánh giá chất lượng tín dụng của KH và nợ phải thu. Các NHTM tập trung nâng cao chất lượng hoạt động BTT qua

xem xét chất lượng khách hàng, chất lượng nợ phải thu, nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động BTT.

#### **4. Bài học kinh nghiệm về cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT tại VN**

Nghiên cứu kinh nghiệm trong thiết lập các quy định, công ước về hoạt động BTT của các tổ chức quốc tế và cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT tại một số quốc gia trên thế giới cho thấy cơ chế, chính sách đóng vai trò quan trọng trong phát triển hoạt động BTT. Tại VN đã có Quy chế hoạt động BTT của các TCTD ban hành theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 06/09/2004 của NHNN, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 30/2008/QĐ-NHNN ngày 16/10/2008 của NHNN và Thông tư số 24/2011/TT-NHNN ngày 30/08/2012 của NHNN, đã tạo khung pháp lý, hướng dẫn cho các TCTD triển khai hoạt động BTT. Song, đến nay vẫn còn nhiều TCTD chưa triển khai hoạt động BTT, VN là một trong những quốc gia có doanh số hoạt động BTT khá thấp và chưa phát triển hoạt động này (Bảng 2). Nguyên do, các quy định pháp lý và cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động BTT còn một số bất cập như xác định chi tiết các KPT bao gồm KPT hiện tại và KPT trong tương lai, xác định quyền ưu tiên đối với các KPT, các KPT được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, về đăng ký giao dịch bảo đảm,...

Môi trường pháp lý và tư pháp của một quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động BTT. Nhiều quy định pháp luật để tiến hành hoạt

động BTT, chẳng hạn như Luật Thương mại, Luật Hợp đồng, Luật Phá sản, Luật Bảo lãnh,... thiếu một hệ thống pháp luật và tư pháp có hiệu quả là trở ngại chính để hoạt động BTT phát triển. Hệ thống pháp luật tại VN ngày càng trở nên hoàn chỉnh hơn, nhưng vẫn còn một khoảng cách lớn để đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động BTT. Những bài học đúc kết qua kinh nghiệm quốc tế nhằm tăng cường môi trường pháp lý và tư pháp, tạo cơ chế, chính sách thuận lợi là điều cần thiết cho phát triển hoạt động BTT tại VN, bao gồm:

**Thứ nhất**, hình thành đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến chuyển nhượng các KPT và hoạt động BTT: Nhiều quốc gia hình thành đầy đủ các bộ luật và quy định liên quan đến các KPT và hoạt động BTT, tạo khung pháp lý và hình thành cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hoạt động BTT. Ngoài các bộ luật và quy chế chuyên ngành điều tiết trực tiếp hoạt động BTT như Luật các TCTD, Luật NHTM, quy chế BTT, còn quy định chi tiết về hoạt động BTT và các KPT trong Luật thương mại, Luật hợp đồng, các luật về giao dịch điện tử,... đã hình thành hệ thống các quy định pháp luật, các cơ chế, chính sách đầy đủ và đồng bộ, thúc đẩy hoạt động BTT phát triển.

**Thứ hai**, xác định đúng thực chất của hoạt động BTT trong quy định của pháp luật: Phần lớn các quốc gia đều xác định hoạt động BTT đúng phù hợp với định nghĩa hoạt động BTT theo các quy định và công ước quốc tế. Trong đó, các quy định nêu rõ



hoạt động BTT không chỉ mua lại các KPT, mà còn xác định đúng thực chất hoạt động BTT là một gói tài chính hoàn chỉnh và bảo vệ rủi ro tín dụng. Qua đó, giúp các đơn vị BTT xây dựng quy trình nghiệp vụ và tổ chức hoạt động BTT với đầy đủ các chức năng; đồng thời, phát huy vai trò tích cực của hoạt động BTT.

**Thứ ba,** xác định cụ thể về các KPT hiện tại và KPT trong tương lai: Bên cạnh quy định chi tiết các KPT hiện tại, pháp luật cũng quy định cụ thể đối với các KPT trong tương lai sẽ được hình thành khi người bán chuyển giao hàng hoá, dịch vụ cho người mua theo hợp đồng đã giao kết. Theo đó, các đơn vị BTT ứng trước tiền cho người bán kịp thời đáp ứng cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và phát triển hoạt động BTT trên cơ sở pháp lý được quy định chặt chẽ.

**Thứ tư,** quy định pháp luật cho phép hình thành đa dạng các đơn vị BTT và các loại hình BTT: Ngoài các TCTD được pháp luật cho phép thực hiện hoạt động BTT, nhiều quốc gia còn cho phép thành lập các công ty BTT độc lập, là các công ty chuyên ngành, kinh doanh trong hoạt động BTT. Hoạt động BTT được nhiều đơn

vị BTT tham gia với nhiều loại hình BTT góp phần làm đa dạng hoạt động BTT, tác động tích cực đến cạnh tranh giữa các nhà cung cấp, tác động đến phát triển, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động BTT, góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và tiện ích cho doanh nghiệp.

**Thứ năm,** quy định đầy đủ các điều kiện cần thiết để các đơn vị BTT được phép thực hiện hoạt động BTT: Khi thực hiện hoạt động BTT, các đơn vị BTT phải đáp ứng các yêu cầu: Đảm bảo tình hình tài chính tốt; đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin để phục vụ cho giao dịch và tiếp nhận thông tin trong hoạt động BTT; đảm bảo có nguồn nhân lực từ cấp lãnh đạo, điều hành đến nhân viên nghiệp vụ làm việc thực sự hiệu quả thông qua sự hiểu biết và có kiến thức về kinh doanh dịch vụ BTT, kiến thức về tổ chức quản lý giao dịch, về xử lý thông tin, về quản lý rủi ro, về kiểm soát nội bộ để đánh giá chất lượng tín dụng của KH và nợ phải thu trong giao dịch của hoạt động BTT,... Những điều kiện này sẽ giúp cho các đơn vị BTT có đủ năng lực cần thiết đảm bảo phát triển hoạt động BTT một cách an

toàn và hiệu quả.

**Thứ sáu,** xác lập quyền đòi nợ của các đơn vị BTT và quy định quyền và nghĩa vụ các bên trong việc chuyển nhượng các KPT một cách chặt chẽ: Quy định chi tiết về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong quá trình chuyển nhượng các KPT, bên nhận chuyển nhượng có nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi cho đơn vị BTT và đảm bảo quyền ưu tiên cho các đơn vị BTT. Mỗi quan hệ trong việc chuyển giao quyền đòi nợ được quy định pháp luật xác lập chặt chẽ, điều chỉnh việc chuyển nhượng các KPT trong thương mại, tạo được khung pháp lý phù hợp cho các đơn vị BTT thực hiện hiệu quả hoạt động BTT. Đồng thời, với bảo vệ quyền lợi cho các đơn vị BTT, quy định pháp luật cũng đảm bảo quyền lợi cho bên chuyển nhượng được tài trợ vốn, đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động kinh doanh.

**Thứ bảy,** các giao dịch chuyển nhượng các KPT được quy định phải đăng ký qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Quy định các giao dịch chuyển nhượng KPT phải đăng ký qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm tránh tình trạng người bán chuyển nhượng các KPT cho nhiều đơn vị BTT này thế chấp, cầm cố tại nhiều TCTD khác. Đồng thời, qua đăng ký sẽ thực hiện kiểm tra và xác lập giao dịch chuyển nhượng các KPT đã thực hiện, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên.

**Thứ tám,** tạo lập đầy đủ thông tin về hoạt động BTT trong hệ thống thông tin tín dụng: Các thông tin liên quan đến hoạt động BTT được tạo lập và cập nhật thường xuyên nhằm kiểm soát,

đánh giá chất lượng tín dụng của KH, kiểm soát rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động BTT và đảm bảo an toàn trong hoạt động BTT.

## 5. Kết luận

Cơ chế, chính sách thuận lợi đã tạo điều kiện phát triển hoạt động BTT, góp phần thúc đẩy giao thương quốc tế và gia tăng hoạt động thương mại tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tại VN, Quy chế hoạt động BTT đã được NHNN ban hành từ năm 2004, đã hình thành khung pháp lý cho các TCTD đa dạng hóa thêm hình thức cấp tín dụng mới, đáp ứng nhu cầu vốn cho nhiều doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Song, hoạt động BTT tại VN mới triển khai trong những năm gần đây, doanh số hoạt động BTT còn khá thấp do các quy định pháp lý và cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động BTT còn một số bất cập như xác định chi tiết các KPT bao gồm KPT hiện tại và KPT trong tương lai, xác định quyền ưu tiên đối với các KPT, các KPT được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, về đăng ký giao dịch bảo đảm,.. Do vậy, việc đúc kết những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn tạo lập cơ chế, chính sách của một số quốc gia trên thế giới bao gồm việc hình thành đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến chuyển nhượng các KPT và hoạt động BTT, xác định đúng thực chất của hoạt động BTT trong quy định của pháp luật, xác định cụ thể về các KPT hiện tại và KPT trong tương lai, quy định pháp luật cho phép hình thành đa dạng các đơn vị BTT và các loại hình BTT, quy định đầy đủ các điều kiện cần thiết để các đơn vị

BTT được phép thực hiện hoạt động BTT, xác lập quyền đòi nợ của các đơn vị BTT và quy định quyền và nghĩa vụ các bên trong việc chuyển nhượng các KPT một cách chặt chẽ, các giao dịch chuyển nhượng các KPT được quy định phải đăng ký qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tạo lập đầy đủ thông tin về hoạt động BTT trong hệ thống thông tin tín dụng, qua đó để có thể vận dụng phù hợp với điều kiện tại VN là một trong những yêu cầu quan trọng, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển hoạt động BTT hiện nay ●

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bank of Thailand (2014), *BOT Notification No 90-2549 (20-04-06) Adjusted.doc*, <http://www2.bot.or.th/fipcs/Documents/FPG/2549/EngPDF/25490042.pdf>  
 China Banking Association (2014), *Factoring Business Norms For Chinese Banking*

*Industry*, <http://www.china-cba.net/bencandy.php?fid=110&id=6095>  
 Factors Chain International (2014), *About Factoring, Factors Chain International*, <http://www.fci.nl/about-factoring>, <http://www.fci.nl/about-fci/mission>  
 Factors Chain International (2014), *About FCI, Mission*, <http://www.fci.nl/about-fci/mission>  
 Institut International Pour L'unification Du Droit Privé (1988), *Unidroit Convention On International Factoring*, <http://www.unidroit.org/instruments/factoring>  
 PRS Legislative Research (2014), *The Regulation Of Factor*, <http://www.prsindia.org/uploads/media/Factoring/Factor 24 of 2011.pdf>  
 The Boston University Center for Finance, Law & Policy (2014), *Law on Credit Institutions of 1990*, <http://www.bu.edu/bucflp/files/2012/01/Law-on-Credit-Institutions-of-1990.pdf>  
 United Nations Conference on Trade and Development, *Nature of Factoring*, <http://www.unctad.info/upload/SUC/SCFBBarbadosWorkshop/NatureofFactoringPres.pdf>

## ••••• Ứng dụng mô hình Black-Scholes.....

(Tiếp theo trang 37)

Hiện nay, trường Đại học Kinh tế TP.HCM đã bắt đầu xây dựng phần mềm này, góp phần tạo sự thuận lợi trong việc ứng dụng mô hình Black – Scholes tại VN cũng như giúp cho sinh viên chuyên ngành Thẩm định giá tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM có nhiều cơ hội để xâm nhập thực tiễn bằng mô hình này ●

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài chính (2014), *Tiêu chuẩn thẩm định giá VN số 13 về Thẩm định giá Tài sản vô hình* (Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BTC ngày 07/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).  
 Damodaran, A. (2002). *Định giá đầu tư*, Dịch từ tiếng Anh, Người dịch Đinh Thế Hiền và cộng sự (2010), NXB Tài chính, TP.HCM.  
 Damodaran, A. (2002), *Investment Valuation*, New York: John Wiley & Sons, ISBN 0-471-414883.  
 Luehrman, T. A. (1995), *Capital Projects as Real Options*.  
 Luehrman, T. A., (1998), "Investment Opportunities as Real Options: Getting Started on the Numbers", *Harvard Business Review*.  
 Số liệu tỷ suất sinh lợi phi rủi ro được tổng hợp từ Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính: <http://www.mof.gov.vn>.